

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số 01 - CTQ)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số 02 - CTQ)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số 03 - CTQ)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số 09 - CTQ)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động	Số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 Số 01/UBCK-GP ngày 17 tháng 7 năm 2007 Số 14/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 4 năm 2008 Số 28/UBCK-GPĐC ngày 11 tháng 12 năm 2008 Số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4103005204 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thanh Phương Ông Huỳnh Văn Thiện Ông Nguyễn Khánh Linh Ông Cung Trần Việt Ông Phạm Gia Tuấn	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Khánh Linh	Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Khánh Linh	Tổng Giám đốc
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.	
Trụ sở chính	Phòng 2, Lầu 19/F, Tòa nhà Centec 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 31. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.



Đặng Quốc Tuấn
Số chứng chỉ KTV: 0620/KTV
Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3513
Ngày 27 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Cao Nguyễn
Số chứng chỉ KTV: 1184/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số 01 - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
100	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		92.655.396.110	117.215.963.220
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	73.717.217.250	64.089.964.840
111	Tiền		627.217.250	1.998.001.760
112	Các khoản tương đương tiền		73.090.000.000	62.091.963.080
120	Đầu tư ngắn hạn		11.059.406.000	44.427.630.200
121	Đầu tư ngắn hạn	4(a)	14.223.722.490	64.444.480.260
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	4(e)	(3.164.316.490)	(20.016.850.060)
130	Các khoản phải thu		7.259.393.900	8.047.317.230
131	Phải thu khách hàng	5	5.159.793.100	2.283.915.220
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	1.934.545.370	1.768.998.210
135	Các khoản phải thu khác	7	165.055.430	3.994.403.800
150	Tài sản ngắn hạn khác		619.378.960	651.050.950
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		63.954.700	68.446.690
158	Tài sản ngắn hạn khác		555.424.260	582.604.260
200	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		64.385.464.166	40.024.316.300
210	Tài sản cố định		1.187.127.240	1.567.469.160
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	1.059.130.410	1.449.938.280
222	Nguyên giá		4.347.367.470	4.127.308.550
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.288.237.060)	(2.677.370.270)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	127.996.830	117.530.880
228	Nguyên giá		886.184.850	787.264.850
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(758.188.020)	(669.733.970)
150	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		63.198.336.926	38.456.847.140
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	-	200.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(c)	32.601.000.000	-
258	Đầu tư dài hạn khác	4(d)	34.412.500.000	39.212.500.000
259	Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	4(e)	(3.815.163.074)	(955.652.860)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		157.040.860.276	157.240.279.520

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số 01 - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.145.766.490	2.434.123.130
310	Nợ ngắn hạn		1.903.566.850	2.096.872.400
314	Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	9	342.236.610	533.879.742
315	Phải trả cho nhân viên		530.682.370	588.871.408
316	Chi phí trích trước		542.942.170	486.415.550
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	Nợ dài hạn		242.199.640	337.250.730
333	Phải trả dài hạn khác	10	242.199.640	337.250.730
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	154.895.093.786	154.806.156.390
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		154.895.093.786	154.806.156.390
411	Vốn góp của chủ sở hữu	12	150.000.000.000	150.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		1.391.500.000	1.391.500.000
420	Lợi nhuận chưa phân phối		3.503.593.786	3.414.656.390
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		157.040.860.276	157.240.279.520

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
		2012 VNĐ	2011 VNĐ
1. Chứng khoán theo mệnh giá (bằng VNĐ)		65.018.700.000	68.548.370.000
2. Ngoại tệ			
Bảng Anh		290	375
Won Hàn Quốc		492.200	492.200
6 Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ			
6.1 Chứng khoán giao dịch theo mệnh giá		2.997.870.000	12.128.130.000

Phan Thị Hồng Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số 02 - CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
01	Doanh thu	14	22.823.745.020	25.011.931.710
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần		22.823.745.020	25.011.931.710
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	15	10.589.293.110	11.908.512.884
20	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		12.234.451.910	13.103.418.826
21	Doanh thu hoạt động tài chính	16	9.202.605.180	15.562.750.779
22	Chi phí tài chính	17	4.948.049.244	22.305.003.629
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	5.842.875.990	4.661.246.041
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		10.646.131.856	1.699.919.935
31	Thu nhập khác		348.418.000	162.227.290
40	Lợi nhuận khác		348.418.000	162.227.290
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.994.549.856	1.862.147.225
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	1.905.612.460	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.088.937.396	1.862.147.225
70	Lãi trên cổ phiếu		606	124

Phan Thị Hồng Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số 03 - CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1 Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	22.658.197.860	25.979.791.350
2 Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(4.952.476.290)	(5.314.371.120)
3 Tiền chi trả cho người lao động	(10.416.820.448)	(11.375.848.726)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.580.000.000)	(3.648.281.035)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.204.946.370	162.227.290
7 Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(973.029.122)	(4.808.890.589)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	8.940.818.370	994.627.170
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(318.978.920)	(701.599.410)
25 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(63.367.534.081)	(63.370.859.092)
26 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	64.836.318.871	52.074.367.782
27 Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.535.662.530	13.229.122.870
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	9.685.468.400	1.231.032.150
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
36 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(9.000.000.000)	(16.500.000.000)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(9.000.000.000)	(16.500.000.000)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	9.626.286.770	(14.274.340.680)
60 Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	64.089.964.840	78.363.988.080
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	965.640	317.440
70 Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	73.717.217.250	64.089.964.840

Giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính là việc chuyển nhượng khoản đầu tư 6,000,000,000 đồng từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Khôi Nguyên sang Công ty Cổ phần Trường Tiểu học – Trung học cơ sở – Trung học Phổ thông Quốc tế Canada.


Phan Thị Hồng Lan
Kế toán trưởng




Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2006, giấy phép thành lập và hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Trong năm 2012, Công ty quản lý các quỹ đầu tư sau:

	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (*)	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y Tế Bản Việt
Hoạt động chính	Quỹ thành viên dạng đóng	Quỹ thành viên dạng đóng
Giấy chứng nhận đăng ký	Số 09/UBCK-TLQTV	Số 08/TB-UBCK
Vốn góp của các thành viên	792.000.000.000 đồng	500.000.000.000 đồng
Giá trị tài sản ròng tại ngày 28 tháng 12 năm 2012	649.401.034.280 đồng	
Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012		509.291.047.073 đồng

(*) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt đã hết hạn vào ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các nhà đầu tư của Quỹ đã đồng ý và phê chuẩn việc giải thể Quỹ theo ngày hết hạn của Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 22 nhân viên (2011: 26 nhân viên). Trong đó, số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 6 người:

Nhân viên	Chức vụ	Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số	Ngày cấp
Nguyễn Khánh Linh	Tổng Giám đốc	000569/QLQ	01/02/2010
Cung Trần Việt	Giám Đốc Phân tích	000537/QLQ	29/01/2010
Phạm Gia Tuấn	Giám Đốc Điều Hành	00365/QLQ	13/07/2009
Nguyễn Xuân Giao	Giám Đốc Đầu Tư	000907/QLQ	06/11/2012
Nguyễn Đông Hải	Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư	Đang chờ cấp bằng	
Phạm Viết Lan Anh	Trưởng phòng Đầu tư	Đang chờ cấp bằng	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ, Quyết định 35/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý Quỹ, Quyết định 125/2008/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 35/2007/QĐ-BTC và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày thực hiện giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.7 Các khoản đầu tư

(a) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn hoặc nếu Tổng Giám đốc quyết định như vậy.

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán là các khoản chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty con là công ty mà trong đó Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền kiểm soát hoạt động

Các khoản đầu tư vào công ty con ban đầu được thể hiện theo giá thực tế mua. Dự phòng được lập khi công ty mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc.

Công ty liên kết là đơn vị chịu sự ảnh hưởng đáng kể của Công ty, nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh. Sự ảnh hưởng đáng kể là quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị nhưng không kiểm soát các chính sách đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tài chính riêng theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính, và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành.

(b) Ghi nhận/Chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Công ty cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển đi toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.7 Các khoản đầu tư (tiếp theo)****(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại**

Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá mua và sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do giao dịch trên thị trường khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này. Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") được xác định là giá giao dịch bình quân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh ("HOSE") là giá kết thúc phiên giao dịch tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom"), thì giá thị trường của các chứng khoán đó được xác định bằng cách tham chiếu giá giao dịch bình quân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Trong những trường hợp khác, Công ty sử dụng giá giao dịch bình quân do ít nhất 3 công ty chứng khoán cung cấp.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty liên kết phải được lập khi cần thiết trên cơ sở xem xét và đánh giá lại giá trị của khoản đầu tư cuối mỗi năm tài chính.

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng	20%
Thiết bị văn phòng	33%
Phần mềm vi tính	33%
Tên miền	20%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(a) Doanh thu dịch vụ

Phí quản lý và phí thường hoạt động được ghi nhận khi được hưởng.

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt ("các Quỹ"). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ các Quỹ trên. Phí này được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của ba phần trăm giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ vào ngày cuối tháng. Từ tháng 5 năm 2011, phí quản lý được tính bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ vào cuối tháng theo Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011.

Công ty được hưởng phí thường hoạt động từ mỗi Quỹ trên nếu (i) mức tăng tài sản ròng của năm vượt mức tăng tối thiểu là 12% và (ii) giá trị tài sản ròng năm đó cao nhất từ khi thành lập. Trong trường hợp Công ty được hưởng phí thường hoạt động, thì số phí được tính là 20% của chênh lệch giữa phần tăng giá trị tài sản ròng trong năm và 12% của giá trị tài sản ròng năm trước.

(b) Lãi/lỗ do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác

Lãi và lỗ do thanh lý các khoản đầu tư được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.10 Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

2.11 Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

2.12 Chi phí

Chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.14 Vốn

Các cổ phiếu phổ thông của Công ty với quyền được nhận cổ tức được phân loại vào vốn chủ sở hữu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 Việt Nam đồng.

2.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.16 Cổ phiếu thưởng và cổ tức trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng và cổ tức trả bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

2.17 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	24.190.030	293.653.400
Tiền gửi ngân hàng	603.027.220	1.704.348.360
Các khoản tương đương tiền (*)	73.090.000.000	62.091.963.080
	<u>73.717.217.250</u>	<u>64.089.964.840</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư ngắn hạn

	Nguyên giá 1.1.2012 VNĐ	Mua trong năm VNĐ	Bán trong năm VNĐ	Nguyên giá 31.12.2012 VNĐ
Chứng khoán vốn đã niêm yết	41.343.630.660	37.042.534.081	(70.162.442.251)	8.223.722.490
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	23.100.849.600	-	(17.100.849.600)	6.000.000.000
	<u>64.444.480.260</u>	<u>37.042.534.081</u>	<u>(87.263.291.851)</u>	<u>14.223.722.490</u>

(b) Đầu tư vào công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có một công ty con là công ty TNHH Tư Vấn V.C.A.M ("Công ty V.C.A.M") thành lập vào ngày 21 tháng 4 năm 2011 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0310794546. Vốn điều lệ ban đầu của công ty con là 200.000.000 đồng được sở hữu hoàn toàn bởi Công ty. Trong năm 2012, Công ty đã chuyển giao toàn bộ phần vốn góp trong Công ty V.C.A.M và không còn khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. (Thuyết minh 21(a)).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số 09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

	Nguyên giá 1.1.2012 VNĐ	Mua trong năm VNĐ	Bán trong năm VNĐ	Nguyên giá 31.12.2012 VNĐ
Công ty Cổ phần Trường Tiểu học – Trung học cơ sở – Trung học Phổ thông Quốc tế Canada (*)	-	32.601.000.000	-	32.601.000.000

(*) Công ty nắm giữ 20% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Trường Tiểu học – Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada, một công ty thành lập tại Việt Nam và hoạt động chính là cung cấp dịch vụ giáo dục.

(d) Đầu tư dài hạn khác

	Nguyên giá 1.1.2012 VNĐ	Mua trong năm VNĐ	Bán trong năm VNĐ	Nguyên giá 31.12.2012 VNĐ
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	39.212.500.000	-	(4.800.000.000)	34.412.500.000

(e) Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư

Trong năm, biến động dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2012 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Số dư tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Đầu tư ngắn hạn	20.016.850.060	2.591.400.445	(19.443.934.015)	3.164.316.490
Chứng khoán vốn đã niêm yết	13.415.926.755	214.950.445	(12.843.010.710)	787.866.490
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	6.600.923.305	2.376.450.000	(6.600.923.305)	2.376.450.000
Đầu tư dài hạn	955.652.860	3.600.563.634	(741.053.420)	3.815.163.074
Đầu tư vào công ty liên kết	-	3.508.751.270	-	3.508.751.270
Đầu tư dài hạn khác	955.652.860	91.812.364	(741.053.420)	306.411.804
	20.972.502.920	6.191.964.079	(20.184.987.435)	6.979.479.564

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT**Mẫu số 09 - CTQ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phải thu từ giao dịch chứng khoán chờ thanh toán	4.838.986.710	1.217.286.330
Cổ tức phải thu	-	702.240.000
Lãi phải thu	320.806.390	364.388.890
	<u>5.159.793.100</u>	<u>2.283.915.220</u>

6 PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phí quản lý quỹ phải thu (Thuyết minh 21(b))	<u>1.934.545.370</u>	<u>1.768.998.210</u>

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tạm ứng cho nhân viên	83.345.340	3.513.738.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh 9)	-	200.000.000
Phải thu khác	81.710.090	280.665.340
	<u>165.055.430</u>	<u>3.994.403.800</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nâng cấp văn phòng VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	2.009.757.020	2.117.551.530	4.127.308.550
Mua trong năm	41.140.920	178.918.000	220.058.920
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>2.050.897.940</u>	<u>2.296.469.530</u>	<u>4.347.367.470</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	(854.870.750)	(1.822.499.520)	(2.677.370.270)
Khấu hao trong năm	(406.751.170)	(204.115.620)	(610.866.790)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>(1.261.621.920)</u>	<u>(2.026.615.140)</u>	<u>(3.288.237.060)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	<u>1.154.886.270</u>	<u>295.052.010</u>	<u>1.449.938.280</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>789.276.020</u>	<u>269.854.390</u>	<u>1.059.130.410</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.650.862.779 đồng (2011: 1.201.106.724 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Tên miền VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	300.000.000	487.264.850	787.264.850
Mua trong năm		98.920.000	98.920.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>300.000.000</u>	<u>586.184.850</u>	<u>886.184.850</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	(195.000.000)	(474.733.970)	(669.733.970)
Khấu hao trong năm	(60.000.000)	(28.454.050)	(88.454.050)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>(255.000.000)</u>	<u>(503.188.020)</u>	<u>(758.188.020)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	105.000.000	12.530.880	117.530.880
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>45.000.000</u>	<u>82.996.830</u>	<u>127.996.830</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 471.684.537 đồng (2011: 448.673.112 đồng).

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2012 VNĐ	Phát sinh VNĐ	Chi trả VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế giá trị gia tăng	-	1.360.000	(1.360.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	533.879.742	1.163.978.828	(1.481.234.420)	216.624.150
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của nhà đầu tư	-	540.950.000	(540.950.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thuyết minh 7)	(200.000.000)	1.905.612.460	(1.580.000.000)	125.612.460
	<u>333.879.742</u>	<u>3.614.901.288</u>	<u>(3.606.544.420)</u>	<u>342.236.610</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

10 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác là dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

11 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chuyển lỗ tính thuế tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Biến động thuế thu nhập hoãn lại như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau
Năm tài chính kết thúc 31.12.2011	Chưa quyết toán	(2.345.021.890)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ phát sinh sẽ không được ghi nhận khi khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là khó khả thi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

12 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2012 Cổ phiếu phổ thông	2011 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký/được cấp phép	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12	15.000.000	15.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các cổ phiếu đều có cùng các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác. Mỗi cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ được quyền hưởng cổ tức khi Công ty công bố cổ tức và có một phiếu biểu quyết. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngày 31 tháng 12 năm 2012 và trong năm tài chính kết thúc tại ngày đó.

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	15.000.000	150.000.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	15.000.000	150.000.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	15.000.000	150.000.000.000

13 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	150.000.000.000	1.391.500.000	18.052.509.165	169.444.009.165
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.862.147.225	1.862.147.225
Chia cổ tức	-	-	(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	150.000.000.000	1.391.500.000	3.414.656.390	154.806.156.390
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.088.937.396	9.088.937.396
Chia cổ tức	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	150.000.000.000	1.391.500.000	3.503.593.786	154.895.093.786

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số 09 - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

14 DOANH THU

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phí quản lý quỹ	22.823.745.020	24.274.231.710
Phí tư vấn	-	737.700.000
	<u>22.823.745.020</u>	<u>25.011.931.710</u>

15 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	6.817.500.580	6.193.371.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	443.837.340	587.764.162
Chi phí thuê văn phòng	1.599.087.290	2.530.912.092
Phí tư vấn thuế và pháp lý	-	291.175.314
Các chi phí khác	1.728.867.900	2.305.290.101
	<u>10.589.293.110</u>	<u>11.908.512.884</u>

16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	1.411.799.510	2.371.656.209
Thu nhập cổ tức	1.753.030.600	4.232.554.500
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	6.036.809.430	8.958.222.630
Lãi từ đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	965.640	317.440
	<u>9.202.605.180</u>	<u>15.562.750.779</u>

17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	18.941.072.600	12.825.550.819
Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(13.993.023.356)	9.479.452.810
	<u>4.948.049.244</u>	<u>22.305.003.629</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số 09 - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

18 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	3.446.079.740	3.570.618.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	255.483.500	88.067.588
Chi phí thuê văn phòng	909.546.200	379.218.978
Chi phí kiểm toán và tư vấn	376.174.360	258.285.766
Chi phí khác	855.592.190	365.055.564
	<u>5.842.875.990</u>	<u>4.661.246.041</u>

19 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.994.549.856	1.862.147.225
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20%	2.198.909.971	372.429.445
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(350.606.120)	(846.510.900)
Lãi do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	(193.128)	(63.488)
Chi phí không được khấu trừ	9.061.807	5.140.565
Thu nhập chịu thuế khác	48.439.930	-
Thuế hoãn lại từ lỗ thuế lũy kế không được ghi nhận	-	469.004.378
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.905.612.460</u>	<u>-</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

19 THUẾ (tiếp theo)

Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và Công văn số 8167/BTC-TCT ngày 22 tháng 6 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Năm có lợi nhuận đầu tiên của công ty là năm 2006. Thuế suất áp dụng cho Công ty từ năm 2008 đến 2010 là 10%, từ 2011 đến 2015 là 20% và từ năm 2016 trở đi là 25%.

20 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Các hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác).

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho ban điều hành và Tổng Giám Đốc xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám Đốc.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****20 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư, hoạt động quản lý quỹ.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Công ty vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Công ty thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****20 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(b) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Dưới 1 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	
Chi phí phải trả	542.942.170
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	
Chi phí phải trả	486.415.550

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
20 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)
Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (2011: 10%) trong khi tất cả các biến số khác, kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì Giá trị tài sản ròng của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 5.940.619.433 đồng (2011: 6.614.758.114 đồng) tương ứng.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tài sản tài chính				
Đầu tư ngắn hạn				
- Cổ phiếu niêm yết	8.223.722.490	41.343.630.660	7.435.856.000	28.284.131.500
- Cổ phiếu chưa niêm yết	6.000.000.000	23.100.849.600	Không xác định	Không xác định
Đầu tư dài hạn				
- Cổ phiếu chưa niêm yết	67.013.500.000	39.212.500.000	Không xác định	Không xác định
- Phải thu không phải nằm trong đầu tư dài hạn	7.094.338.470	4.052.913.430	7.094.338.470	4.052.913.430
Tiền	<u>73.717.217.250</u>	<u>64.089.964.840</u>	<u>73.717.217.250</u>	<u>64.089.964.840</u>
Nợ tài chính phải trả				
Chi phí phải trả	<u>542.942.170</u>	<u>486.415.550</u>	<u>542.942.170</u>	<u>486.415.550</u>

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch song phẳng ngang giá tại ngày định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
20 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Đối với các chứng khoán mà thị trường không giao dịch thì giá trị hợp lý không xác định được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng giá trị thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

21 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có liên quan đến các bên như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Quỹ do công ty quản lý
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Quỹ do công ty quản lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada	Công ty liên kết
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu dịch vụ

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	12.688.409.240	13.674.975.200
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	10.135.335.780	10.599.256.510
	<u>22.823.745.020</u>	<u>24.274.231.710</u>

ii) Mua dịch vụ

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	<u>145.097.878</u>	<u>135.712.147</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

21 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Đầu tư vào công ty liên kết

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Công ty Cổ phần Trường Tiểu học – Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada	32.601.000.000	-

iv) Các khoản chi cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.870.833.333	3.250.000.000

v) Doanh thu tài chính

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	5.920.175.556	1.644.836.667

Tổng số tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm 2012 của Công ty vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt là 564.460.000.000 đồng.

vi) Giao dịch khác

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty V.C.A.M cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	200.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
21 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	Tại ngày 31 tháng 12			
	2012		2011	
	Số lượng %	Nguyên giá VNĐ	Số lượng %	Nguyên giá VNĐ
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (bằng cổ phiếu)	1.890.000	18.000.000.000	1.800.000	18.000.000.000
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	60	6.292.500.000	60	6.292.500.000
Đầu tư vào Công ty con V.C.A.M (% nắm giữ)	-	-	100	200.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Trường Tiểu học – Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada (bằng cổ phiếu)	2.355.000	32.601.000.000	-	-

	Tại ngày 31 tháng 12	
	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 6)		
Phí quản lý phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	850.309.290	808.952.700
Phí quản lý phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	1.084.236.080	960.045.510
	<u>1.934.545.370</u>	<u>1.768.998.210</u>
Phải thu từ hoạt động đầu tư và phải thu khác		
Tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	72.610.000.000	56.000.000.000
Lãi phải thu từ khoản tiền gửi tại ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	318.406.389	319.666.667
Ứng trước cho nhân viên	83.345.340	3.471.067.280
	<u>73.011.751.729</u>	<u>59.790.733.947</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

22 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Dưới 1 năm	694.219.680	740.935.272
Từ 1 đến 5 năm	115.703.280	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	809.922.960	740.935.272

23 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

	2012	2011
Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định/Tổng tài sản (%)	32,2%	25,5%
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản (%)	67,8%	74,5%
Tỷ suất sinh lợi		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	39,8%	7,4%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu (%)	5,9%	1,2%
Tình hình tài chính		
- Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản (%)	1,4%	1,5%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn (%)	5.987,6%	6.743,7%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định/Vốn chủ sở hữu (%)	0,8%	1,0%

24 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh trong các báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại và với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2013.



Phan Thị Hồng Lan
Kế toán trưởng




Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc